HỘI THẢO QUỐC TẾ
NHẬN THỨC LẠI VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG KỶ NGUYÊN TOÀN CẦU

MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ NGHIÊN CỨU TRIẾT HỌC Ở VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN TOÀN CẦU HIỆN NAY

PHẠM VĂN ĐỨC (*)

Trên cơ sở trình bày những thành tựu chủ yếu và vấn đề đặt ra đối với nghiên cứu triết học ở Việt Nam, tác giả tập trung phân tích vai trò và những định hướng nghiên cứu lớn của nghiên cứu triết học ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá. Ba định hướng lớn được tác giả tập trung phân tích là: thứ nhất, nếu như các nhà triết học trên thế giới đang tập trung nghiên cứu những vấn đề do toàn cầu hoá đặt ra, tức là phản tư những vấn đề thế giới hay vấn đề toàn cầu, thì triết học Việt Nam phải tập trung nghiên cứu những vấn đề thực tiễn của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; thứ hai, nghiên cứu những tư tưởng triết học Việt Nam; thứ ba, nghiên cứu những trào lưu và những tư tưởng, những quan điểm triết học của các nhà triết học tiêu biểu trên thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây; trước hết là những trào lưu, những tư tưởng và quan điểm triết học có ảnh hưởng nhiều hơn đến Việt Nam.

Công cuộc đổi mới toàn diện đất nước ở Việt Nam trong 20 năm qua đã đạt được những thành tựu hết sức to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Cùng với công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, đội ngũ những người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học đã có sự trưởng thành đáng kể về số lượng cũng như chất lượng. Nhiều đề tài nghiên cứu dưới sự đặt hàng hoặc hỗ trợ kinh phí của Đảng và Nhà nước đã trực tiếp tham gia vào giải quyết những vấn đề mang tính chiến lược của sự phát triển đất nước hoặc nghiên cứu những vấn đề triết học cơ bản. Vấn đề đặt ra là, trong 20 năm đổi mới vừa qua, nghiên cứu triết học ở Việt Nam đã đạt những thành tựu chủ yếu gì và trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, để nâng cao hơn nữa vai trò của mình, những người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học cần phải tập trung nghiên cứu những vấn đề gì?

1. Những thành tựu chủ yếu và vấn đề đặt ra đối với nghiên cứu triết học ở Việt Nam

Cùng với sự đổi mới trong giảng dạy, công tác nghiên cứu triết học cũng có sự đổi mới đáng kể. Kể từ năm 1986 đến nay, số lượng các công trình nghiên cứu về tất cả các lĩnh vực chuyên ngành của triết học được xuất bản đã tăng lên nhanh chóng. Phạm vi vấn đề nghiên cứu, do các công trình đó đảm nhiệm, cũng hết sức đa dạng: *từ lịch sử triết học đến lôgíc học, đạo đức học, mỹ học, triết học văn hoá, triết học trong khoa học tự nhiên, kỹ thuật và môi trường; từ triết học cổ đại đến triết học hiện đại; từ triết học mácxít đến triết học ngoài mácxít; từ học thuyết của một số cá nhân các nhà triết học nổi tiếng đến cả*

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Quyền Viện trưởng Viện Triết học, Tổng biên tập Tạp chí Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

từng trường phái lớn. Sở dĩ như vậy là vì, *thứ nhất,* bắt đầu từ năm 1986, Việt Nam khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, trong đó đổi mới tư duy được coi là khâu trọng tâm. Trong công cuộc đổi mới, công tác lý luận nói chung, công tác nghiên cứu triết học nói riêng đã bắt đầu được chính phủ quan tâm hơn. *Thứ hai,* sau nhiều năm quan tâm đào tạo, đội ngũ những người làm công tác triết học đã bắt đầu trưởng thành. Nhiều người đã bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ; trong đó không ít người đã được nhà nước phong hàm phó giáo sư hoặc giáo sư. *Thứ ba*, cùng với chủ trương mở cửa và hội nhập về kinh tế quốc tế, sự giao lưu, tiếp xúc và hợp tác giữa các cơ quan nghiên cứu và giảng dạy triết học của Việt Nam với các cơ quan và tổ chức quốc tế được thiết lập và không ngừng mở rộng; nhiều học giả của Việt Nam có điều kiện tham gia các hội thảo quốc tế hoặc được gửi đi đào tạo ở nước ngoài bằng các con đường khác nhau; không ít các học giả nước ngoài đã đến Việt Nam tham dự hội thảo hoặc thuyết trình các chuyên đề mà những người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học trong nước ít có điều kiện nghiên cứu.

Song, điều đáng nói chính là về cách thức nghiên cứu và đóng góp của triết học vào công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Nếu trong thời gian trước năm 1986, các công trình nghiên cứu triết học chủ yếu làm nhiệm vụ thuyết minh và tuyên truyền đường lối của Đảng thì sau năm 1986, ngoài công việc đó, nhiều công trình triết học đã *đề xuất những kiến nghị có giá trị,* góp phần hoạch định đường lối phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Chẳng hạn, trong lĩnh vực triết học xã hội, cùng với những người làm công tác nghiên cứu ở các ngành khoa học xã hội khác, nhiều người làm công tác nghiên cứu triết học đã góp phần luận chứng cho vai trò quyết định của lực lượng sản xuất trong mối tương quan với quan hệ sản xuất, chứ không phải ngược lại là quan hệ sản xuất phải đi trước mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển; về vai trò của kinh tế nhiều thành phần và nhiều loại hình sở hữu, của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về vai trò của nguồn nhân lực và của các động lực nói chung trong việc thúc đẩy sự phát triển xã hội, nhất là vai trò động lực của lợi ích, trước hết là lợi ích kinh tế; về sự cần thiết phải kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước phát triển; khẳng định văn hoá là động lực và cơ sở tinh thần của sự phát triển xã hội, v.v.. Những luận điểm đó đã được đưa vào trong các văn kiện của Đảng và đã được thực tế cuộc sống xác nhận là đúng đắn.

Tương tự như vậy, một vấn đề rất nhạy cảm nhưng lại hết sức quan trọng khác đã được giới triết học đề cập trong khá nhiều công trình và giờ đây cũng đã được Đảng Cộng sản Việt Nam hoàn toàn chấp nhận, đưa vào các văn kiện của Đại hội IX, Đại hội X là vấn đề dân chủ trong xã hội và việc xây dựng một xã hội thực sự do nhân dân làm chủ như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần nói đến(1).

Cùng với quá trình đổi mới toàn diện đất nước, trong đó có đổi mới tư duy, song song với việc nhận thức lại và đổi mới phương pháp giảng dạy triết học mácxít, việc nghiên cứu và giảng dạy triết học ngoài

(1) Xem: GS,TS. Nguyễn Trọng Chuẩn. *Nhìn lại 55 năm nghiên cứu và giảng dạy triết học ở nước ta.* Trong *Nửa thế kỷ nghiên cứu và giảng dạy triết học ở Việt Nam* do Nguyễn Trọng Chuẩn chủ biên, Viện Triết học xuất bản, Hà Nội, 2001, tr. 23.

mácxít được chú trọng hơn. Trước đây, bản thân các trào lưu triết học này hầu như không được giới thiệu hoặc nếu có được giới thiệu thì cũng nhằm mục đích chủ yếu là để phê phán. Hiện nay, nghiên cứu triết học tư sản phương Tây không chỉ để lên án và phê phán, mà còn để tìm mặt mạnh, mặt tích cực, những giá trị đích thực của triết học này. Với phương châm nghiên cứu trên tinh thần đổi mới là coi trọng mọi nền văn hoá khác nhau trong đó có văn hoá triết học, trong thời kỳ đổi mới, nhiều nhà nghiên cứu đã tập trung làm rõ không chỉ những mặt tiêu cực, mà cả những mặt mạnh, mặt tích cực của các học thuyết, trào lưu, khuynh hướng triết học ngoài mácxít, đặc biệt là triết học phương Tây hiện đại(2).

Cho đến nay, có thể nói, Việt Nam đã từng bước xây dựng được một đội ngũ những người chuyên nghiên cứu và giảng dạy về triết học ngoài mácxít, mặc dù còn ít về số lượng nhưng trong đó có một số người được đào tạo khá bài bản từ các nước phương Tây.

Bên cạnh việc nghiên cứu triết học mácxít và triết học ngoài mácxít, kể từ khi đổi mới đến nay, Việt Nam đã tiến hành nghiên cứu và giảng dạy *lịch sử tư tưởng của Việt Nam*. Nội dung của môn học này giới thiệu cho người học những tư tưởng tiêu biểu của ông cha, tập trung vào những tư tưởng về chính trị, tư tưởng đạo đức và tư tưởng triết học. Trong nhiều năm gần đây, được sự quan tâm của chính phủ, Viện Triết học thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã tập trung nghiên cứu *Lịch sử tư tưởng Việt Nam* từ thời dựng nước đến nay và đã cho xuất bản 2 tập sách. Bắt đầu từ năm 2002 đến nay, Viện Triết học đang tập trung nghiên cứu *Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam*. Các tác giả đã hoàn thành tập 1 và bản thảo của nó đã được chuyển sang nhà xuất bản, đồng thời đang tiến hành nghiên cứu tập 2. Nếu bộ *Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam* được hoàn thành thì đây sẽ là một tài liệu hết sức bổ ích và quý giá cho việc giảng dạy lịch sử triết học Việt Nam.

Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng, bản thân những nghiên cứu về triết học chưa đáp ứng được những nhu cầu do thực tiễn cuộc sống đặt ra; nhiều vấn đề cấp bách về sự phát triển đất nước và việc quản lý sự phát triển đó đang cần lời giải đáp từ phía triết học. Các công trình nghiên cứu những vấn đề triết học nảy sinh từ thực tiễn có giá trị trong những năm qua chưa nhiều. Những công trình mang hơi thở của cuộc sống đều chưa được như mong muốn cả về số lượng lẫn chất lượng. Nhiều công trình nghiên cứu còn ít dựa vào những tài liệu điều tra khảo sát thực tế, do vậy, giá trị thực tiễn của các công trình ấy chưa cao, chưa có ảnh hưởng đáng kể trong xã hội cũng như trong công tác hoạch định chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Thêm vào đó, nếu xét về mặt số lượng thì số lượng công trình mà những người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học đã công bố trong gần 20 năm qua không phải là ít, nhưng trong số đó vẫn chưa có một công trình nghiên cứu cơ bản nào có tầm cỡ, ghi dấu ấn của triết học Việt Nam trong xã hội, chứ chưa nói đến tầm cỡ khu vực và thế giới.

2. Vai trò và những định hướng nghiên cứu lớn của nghiên cứu triết học ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá

(2) Xem: Nguyễn Hào Hải. *Tình hình nghiên cứu triết học ngoài mácxít (Triết học tư sản phương Tây hiện đại) ở Việt Nam 55 năm qua*. Trong *Nửa thế kỷ nghiên cứu và giảng dạy triết học ở Việt Nam* do Nguyễn Trọng Chuẩn chủ biên, Viện Triết học xuất bản, Hà Nội, 2001, tr. 583.

Ở Việt Nam, triết học được xác định *là hệ thống các quan điểm lý luận chung nhất về thế giới và vị trí của con người trong thế giới đó*(3). Khi nói đến vai trò của triết học, người ta thường nói đến vai trò thế giới quan và phương pháp luận của nó. Triết học không phải là toàn bộ thế giới quan, nhưng là hạt nhân của thế giới quan. Vai trò thế giới quan của triết học được thể hiện ở chỗ, nó cung cấp cho con người cách lý giải về thế giới và vị trí của con người trong thế giới đó. Như vậy, triết học sẽ cung cấp cho chúng ta cách nhìn tổng quát về thế giới nói chung và về xã hội loài người nói riêng.

Tuy nhiên, cũng như mọi lý luận, triết học không chỉ làm nhiệm vụ lý giải những vấn đề của thế giới nói chung, của xã hội loài người nói riêng, mà trên cơ sở đó, nó trở thành cái định hướng cho con người trong hành động. Vì vậy, một triết học có giá trị sẽ giúp cho con người có sự đúng đắn trong hành động. Lịch sử phát triển của khoa học đã chỉ ra rằng, mỗi nhà khoa học, dù có tuyên bố hay không tuyên bố, đều bị chi phối bởi một loại thế giới quan triết học hay một hệ thống các quan điểm triết học nhất định. Nhờ đứng trên quan điểm triết học đúng đắn, nhiều nhà khoa học đã đưa ra những phỏng đoán thiên tài mà sau nhiều năm đã được khoa học xác nhận. Trong thực tiễn xã hội, chúng ta khó có thể kể hết vai trò của thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với xã hội, đối với hành vi hoạt động của con người. Thực tế lịch sử đã chứng minh rằng, nhiều hệ thống triết học đã từng đóng vai trò thế giới quan và phương pháp luận cho những cải biến cách mạng vĩ đại, đã từng là cơ sở cho các hoạt động của con người. Từ kinh nghiệm lịch sử và thực tiễn cuộc sống, có thể khẳng định rằng, *triết học đóng vai trò quan trọng trong bối cảnh toàn cầu và nếu có một hệ thống các quan điểm triết học đúng đắn, thì mỗi dân tộc đều có thể lựa chọn cho mình cách ứng xử khôn ngoan và tìm ra được hướng đi đúng để tận dụng những cơ hội và vượt qua những thách thức do toàn cầu hoá tạo ra.*

Vấn đề đặt ra là, trong bối cảnh hiện nay, để triết học đóng vai trò thế giới quan và phương pháp luận nhằm định hướng cho hoạt động của con người, triết học cần tập trung nghiên cứu những vấn đề gì?

Tại Đại hội triết học lần thứ XXI của Liên đoàn các nhà triết học quốc tế tại Istanbul (Thổ Nhĩ Kỳ) năm 2003, chủ đề của Đại hội được đặt ra là *Triết học đối mặt với những vấn đề thế giới*. Điều đó cũng có nghĩa là, sự phát triển của thế giới đang đặt ra những vấn đề mà các quốc gia dân tộc trên thế giới phải chung sức giải quyết và bản thân triết học không được lảng tránh những vấn đề đó.

Trước hết, phải khẳng định rằng, chúng ta đang sống trong bối cảnh toàn cầu hoá. Triết học đang phải đối mặt với toàn cầu hoá với tư cách xu hướng chung, tất yếu và những vấn đề thế giới do toàn cầu hoá tạo ra hoặc làm trầm trọng thêm. Do đó, nhiệm vụ của triết học phải góp phần nhận thức một cách đầy đủ toàn cầu hoá và những vấn đề do nó tạo ra.

Hiện đang có những quan điểm khác nhau về toàn cầu hoá. Khi nói đến toàn cầu hoá, trước hết người ta nói đến *toàn cầu hoá kinh tế*. Nếu xét từ góc độ kinh tế, toàn cầu hoá được xem là một xu hướng ngày càng tăng lên nhanh chóng, với quy mô ngày càng được mở rộng của lực lượng sản

(3) Xem: Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. *Giáo trình Triết học Mác – Lênin* (Tái bản có sửa chữa, bổ sung). Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 23.

xuất đang vượt ra ngoài biên giới quốc gia dân tộc và sự ràng buộc lẫn nhau trong các hoạt động kinh tế giữa các quốc gia. Nếu nhìn vào những đặc điểm quan trọng nhất của các quan hệ kinh tế ở thời điểm lịch sử hiện nay, toàn cầu hoá kinh tế được nhìn nhận với tư cách sự mở rộng của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa do Mỹ và các nước tư bản phát triển khác quyết định.

Các nhà nghiên cứu về toàn cầu hoá đưa ra nhiều cách lý giải khác nhau về *những nguyên nhân* và *đặc điểm của toàn cầu hoá*, đặc biệt là quá trình toàn cầu hoá từ những năm 90 của thế kỷ XX đến nay. Song, tựu trung lại, có thể quy các cách lý giải ấy về mấy điểm chính như sau: *thứ nhất*, toàn cầu hoá hiện nay gắn liền với kinh tế tri thức, đặc biệt là với công nghệ thông tin; *thứ hai*, toàn cầu hoá hiện nay đã tạo ra một nền kinh tế thế giới và các quan hệ quốc tế giữa một loạt đa dạng các chủ thể; *thứ ba*, toàn cầu hoá hiện nay đang tạo ra mối liên hệ kinh tế chặt chẽ giữa các nước thông qua hệ thống thị trường và hệ thống kinh tế thị trường; *thứ tư*, các nước tư bản đóng vai trò quyết định trong quá trình toàn cầu hoá hiện nay. Điều này được thể hiện ở chỗ, các nước tư bản phương Tây với sự cạnh tranh hết sức mạnh mẽ đang tạo ra những công ty xuyên quốc gia và siêu quốc gia; đồng thời, đang cố gắng và không ngừng mở rộng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa từ nước mình ra tất cả các nước trên thế giới, v.v..

Điều cần nhấn mạnh thêm là, triết học không chỉ quan tâm đến những nguyên nhân, đặc điểm của quá trình toàn cầu hoá hiện nay, mà còn phải chú ý tới *tính hai mặt của toàn hoá, những ảnh hưởng cũng như những quan hệ tiêu cực và tích cực, những ưu thế và bất lợi của nó*. Xét về mặt lý thuyết, toàn cầu hoá đang tạo ra những ưu thế nhất định và có thể tóm tắt ưu thế đó trên mấy điểm như sau: *thứ nhất*, nó tạo ra khả năng phân bổ một cách tối ưu các nguồn lực nhờ công cụ toàn cầu; *thứ hai*, nó tạo ra khả năng thực thi các luật lệ kinh tế khách quan trong một không gian toàn cầu rộng lớn; *thứ ba*, nó làm tăng nhanh và đẩy mạnh sự điều chỉnh hợp lý cấu trúc công nghiệp dựa trên công cụ toàn cầu; *cuối cùng*, toàn cầu hoá đem lại khả năng giải quyết một số vấn đề chung đang đối mặt với toàn cầu hoá kinh tế và sự phát triển xã hội. Nhưng, bên cạnh những ưu điểm, toàn cầu hoá đang đặt ra cho con người, cho các nước, đặc biệt là *các nước đang phát triển những thách thức và nguy cơ hết sức to lớn*.

Về mặt xã hội, những nhu cầu của nền kinh tế toàn cầu đã và đang mang lại những thay đổi to lớn trong thói quen lao động và lối sống của con người ở tất cả các quốc gia dân tộc. Trong bối cảnh phát triển hiện nay của nền kinh tế thế giới, mỗi nước đều đang phải đối mặt với những vấn đề chung trong sự phát triển kinh tế quốc gia, như những vấn đề sinh thái, ô nhiễm môi trường và cạn kiệt tài nguyên, vấn đề dân số và sức khoẻ cộng đồng, sự phân hoá giàu nghèo, tệ nạn xã hội và tội phạm mang tính quốc tế, v.v.. Đó là những vấn đề đang làm đau đầu các quốc gia dân tộc. Nói tóm lại, chính toàn cầu hoá làm cho những vấn đề toàn cầu của thời đại tác động mạnh mẽ và nhanh chóng đến các quốc gia dân tộc. Ngày nay, không một quốc gia dân tộc nào có thể làm ngơ trước sự lan truyền một cách nhanh chóng và rộng rãi của các bệnh dịch, như SARS, dịch cúm gia cầm, v.v.; của các nạn khủng bố, tội phạm quốc tế, v.v.. Nếu mỗi nước trên thế giới và đặc biệt là các nước phát triển hiểu đầy đủ, đồng thời có những biện pháp tích cực và hữu

hiệu hơn để giải quyết những vấn đề đó trong bối cảnh toàn cầu hoá kinh tế hiện nay thì sự phát triển kinh tế và xã hội sẽ trở nên toàn diện hơn, hài hoà hơn và bền vững hơn.

Về mặt chính trị, người ta thường nhắc tới những thách thức nghiêm trọng của toàn cầu hoá đối với *chủ quyền quốc gia*. Điều đó được lý giải bằng sự tác động của kinh tế đối với chính trị. Sự hội nhập về kinh tế tăng lên sẽ kéo theo sự hội nhập về chính trị. Với lôgíc đó, người ta nói đến sự suy yếu của mô hình quốc gia dân tộc. Trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, người ta thường nói về sự phụ thuộc lẫn nhau của các quốc gia dân tộc hơn là đề cập đến sự độc lập hoàn toàn của các quốc gia đó. Có thể nói, không có và không thể có một quốc gia đứng độc lập hoàn toàn, tách biệt khỏi thế giới bên ngoài trong bối cảnh toàn cầu hoá. Nhưng cái nguy hiểm hơn chính là ở chỗ, nhiều nước muốn lợi dụng xu thế toàn cầu hoá để thực hiện vai trò bá chủ thế giới của mình. Các nước này đã lợi dụng một số nguyên cớ để gây ra cuộc chiến tranh đối với các quốc gia dân tộc yếu hơn. Thực chất của những hành động này là vì lợi ích kinh tế. Hành động gây chiến tranh xâm lược đó là sự vi phạm một cách trắng trợn chủ quyền quốc gia của các dân tộc, bất chấp luật pháp quốc tế. Cuộc chiến tranh của Mỹ chống Irắc là một ví dụ điển hình minh chứng cho điều đó. Trong những năm gần đây, trước sự vi phạm một cách nghiêm trọng tới những công ước và luật pháp quốc tế, sự vi phạm đến chủ quyền quốc gia của các dân tộc, không ít nhà triết học đã lên tiếng đòi Liên hiệp quốc phải có thái độ cứng rắn hơn trong việc bảo vệ Hiến chương của Liên hiệp quốc và các công ước quốc tế. Nhiều nhà triết học mong muốn Liên hiệp quốc trở thành tổ chức bảo đảm sự công bằng và công lý trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay. Mặc dù Liên hiệp quốc chưa thực hiện được đầy đủ vai trò đó, song nhiều ý kiến cho rằng, trong điều kiện hiện nay, sự tồn tại của Liên hiệp quốc vẫn hết sức cần thiết. Vấn đề là ở chỗ, Liên hiệp quốc cần phải tiến hành cải tổ(4). Điều đó chứng tỏ rằng, bản thân các nhà triết học không lảng tránh những vấn đề nóng bỏng của thế giới đang đặt ra.

Như vậy, toàn cầu hoá kinh tế là khía cạnh quan trọng nhất của toàn cầu hoá; nó đang tác động mạnh mẽ đến lĩnh vực chính trị. Đến lượt mình, những thay đổi về chính trị lại có tác động trở lại đối với kinh tế. Song, điều cần quan tâm và nhấn mạnh của các nghiên cứu triết học lại chính là ở chỗ, *sự tác động của kinh tế và những thay đổi chính trị đối với văn hoá trong bối cảnh toàn cầu hoá*.

Cùng với toàn cầu hoá, nhiều học giả đã chỉ ra xu hướng đồng nhất tất cả các nền văn hoá. Tất cả các nước phát triển đang muốn áp đặt các giá trị văn hoá của mình cho toàn thế giới. Thông qua quá trình toàn cầu hoá, các nước phát triển phương Tây muốn bắt phần còn lại của thế giới không chỉ khuất phục về kinh tế, chính trị và quân sự, mà còn muốn hạn chế tối đa nét đặc thù của văn hoá phi phương Tây; vì, theo họ, các nền văn hoá này không phù hợp, thậm chí còn xung đột với văn hoá và văn minh phương Tây. Quan niệm về sự xung đột giữa các nền văn minh của Huntington đã khẳng định rằng, trong điều kiện toàn cầu hoá, giữa các nền văn minh có sự xung đột và không thể có một nền hoà bình nào hết vì phương Tây muốn đấu tranh cho lợi ích của mình đến toàn

(4) Xem: Peter Singer. *Human Right, the State and International Oder* (Bản dịch tiếng Việt đăng trên Tạp chí Triết học, năm 2003, số 11).

thắng, tức là buộc thế giới phi phương Tây phải khuất phục hoàn toàn(5).

Ngay trong lĩnh vực triết học, những người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học ở châu Á hiện nay cũng đang phải đối mặt với một tình thế tương tự. Hầu hết các nước châu Á đã trải qua luật lệ của chủ nghĩa thực dân phương Tây. Chủ nghĩa thực dân không chỉ khai thác các nguồn lực vật chất, như tài nguyên thiên nhiên ở các nước thuộc địa, mà còn cắt đứt quan hệ của người bản địa với những di sản văn hoá, trí tuệ và tinh thần của họ, tức là với những cái đã tạo nên bản sắc của họ. Sau khi thoát khỏi ách đô hộ của thực dân và giành được độc lập về mặt chính trị, hầu hết các nước châu Á vẫn còn chịu cảnh nghèo đói về vật chất và đánh mất bản sắc, đã tích cực đưa ra kế hoạch phát triển kinh tế dưới chiêu bài của hệ tư tưởng "hiện đại hoá", mà trên thực tế là "phương Tây hoá" và "Tư bản hoá". Sau sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu, các siêu cường tư bản chủ nghĩa không còn đối trọng, nhanh chóng mở rộng chiến lược toàn cầu. Các nước ở châu Á bị lôi cuốn vào quá trình toàn cầu hoá. Ưu thế của văn hoá phương Tây ở châu Á cũng không loại trừ lĩnh vực triết học(6).

Từ sự phân tích và số liệu thực tế, không ai có thể phủ nhận được rằng, toàn cầu hóa là một quá trình tất yếu và đang tạo ra *những cơ hội* cho các nước có nền kinh tế đang phát triển hội nhập vào nền kinh tế thế giới để trên cơ sở đó, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và đổi mới công nghệ.

Tuy nhiên, điều cần nhấn mạnh là ở chỗ, cơ hội mà toàn cầu hóa đem lại cho các nước khác nhau, các dân tộc khác nhau không phải lúc nào cũng như nhau. Xét một cách đại thể, *các nước phát triển hơn về kinh tế, giàu có hơn sẽ được chia sẻ cơ hội nhiều hơn các nước nghèo*. Điều đó cũng có nghĩa là, toàn cầu hóa sẽ đem lại cho các nước nghèo, đang phát triển *nhiều thách thức* hơn so với cơ hội. Đúng như Kofi Annan, Tổng thư ký Liên hiệp quốc, đã khẳng định: "Toàn cầu hoá đang làm cho chúng ta xích lại gần nhau hơn theo nghĩa tất cả chúng ta đều phải chịu ảnh hưởng từ những hành động của nhau, chứ không phải theo nghĩa tất cả chúng ta để sử dụng những lợi thế của nó và cùng nhau chia sẻ gánh nặng. Trái lại, chúng ta đã để toàn cầu hoá làm cho chúng ta tách xa nhau ra hơn do hố ngăn cách ngày càng lớn về mức độ của cải và quyền lực giữa các nước khác nhau và ngay trong từng nước"(7).

Việt Nam thuộc nhóm các nước đang phát triển. Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế, bên cạnh những thuận lợi và cơ hội to lớn, Việt Nam cũng đang gặp phải những thách thức không nhỏ. Trong những năm gần đây, rất nhiều nhà khoa học và những nhà lãnh đạo của Việt Nam đã chỉ ra những thách thức hết sức to lớn không chỉ về kinh tế, về xã hội, mà cả về mặt chính trị và đặc biệt là về văn hoá. Vấn đề đặt ra là, trong bối cảnh quốc tế và trong nước như vậy thì triết học Việt Nam phải làm gì để tận dụng các cơ hội và vượt qua các thách thức do toàn cầu hoá mang lại?

---

(5) Bjaznova. *Toàn cầu hoá và các giá trị dân tộc*. Tài liệu phục vụ nghiên cứu của Viện Thông tin Khoa học xã hội, 2005, số TN 2005-37, tr. 7.

(6) Đây là cách đặt vấn đề của Hội thảo quốc tế: *Giảng dạy triết học trong bối cảnh châu Á*, tổ chức tại Manila, Philippin, từ ngày 16 đến ngày 19 tháng 2 năm 2004.

(7) Kofi Annan. *Phải chăng chúng ta vẫn bảo toàn được các giá trị phổ biến*. Viện Thông tin Khoa học xã hội. Tài liệu phục vụ nghiên cứu, 2005, số: TN 2005-36.

Thứ nhất, nếu như các nhà triết học trên thế giới đang tập trung nghiên cứu những vấn đề do toàn cầu hoá đặt ra, tức là phần tư những vấn đề thế giới hay vấn đề toàn cầu, thì triết học Việt Nam phải tập trung nghiên cứu những vấn đề thực tiễn của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Việt Nam đang trong giai đoạn tiếp tục đổi mới trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế. Vì vậy, nhiều vấn đề phát triển của Việt Nam sẽ liên quan chặt chẽ với những vấn đề của khu vực và thế giới. Trong bối cảnh hiện nay, không thể tách Việt Nam ra khỏi cộng đồng khu vực và thế giới. Nhưng, với tư cách là một quốc gia độc lập, trong quá trình phát triển của mình, Việt Nam sẽ phải giải quyết những vấn đề riêng của mình. Mặt khác, bản thân những vấn đề thế giới hay những vấn đề toàn cầu có những biểu hiện khác nhau ở các nước khác nhau. Những biểu hiện đặc thù này do điều kiện lịch sử quy định. Do vậy, những vấn đề thế giới sẽ có những biểu hiện đặc thù của Việt Nam, mặc dù chúng vẫn mang những đặc điểm chung của vấn đề thế giới. Như vậy, *những vấn đề thực tiễn mà triết học mỗi nước phải đối mặt có sự thống nhất biện chứng giữa cái phổ biến và cái đặc thù. Nghiên cứu mối liên hệ đó chính là nhiệm vụ của triết học.*

Điều đó cũng có nghĩa là, các nhà triết học phải góp phần xây dựng cho đất nước mình, cho dân tộc mình *triết học về sự phát triển*, phải trả lời cho câu hỏi trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, *triết học về sự phát triển của dân tộc mình là gì và làm thế nào để chọn ra một con đường phát triển tối ưu, có thể tranh thủ được những cơ hội do toàn cầu hoá mang lại và vượt qua những thách thức do chính bản thân nó tạo ra.*

Thực tế lịch sử đã chỉ ra rằng, nhiều nước chậm phát triển, đi sau nhờ biết tận dụng cơ hội mà có thể rút ngắn sự phát triển của mình, đuổi kịp các nước phát triển đi trước. Các nước chậm phát triển có thể tiếp thu vốn, công nghệ và kỹ năng của các nước phát triển để tạo ra một sự phát triển rút ngắn, "giảm bớt sự đau khổ". Đó chính là ưu thế của nước đi sau hay "ưu thế hậu phát".

Chẳng hạn, nhờ ưu thế của một nước đi sau, nước Mỹ, nước Đức và 4 "con rồng châu Á" đã tạo ra một sự phát triển vượt bậc, đuổi kịp, thậm chí vượt các nước tư bản đã có thời kỳ phát triển lâu dài, như Anh, Pháp và các nước tư bản Tây Âu.

Ở đây, cũng cần nói thêm rằng, sự phân biệt giữa triết học về sự phát triển và triết lý về sự phát triển có ý nghĩa tương đối. Triết học về sự phát triển mang tính khái quát hơn so với triết lý về sự phát triển. Xây dựng triết lý về sự phát triển không chỉ là nhiệm vụ của những người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học, mà còn là nhiệm vụ của mỗi ngành, của mỗi khoa học. Trong lịch sử hàng ngàn năm tồn tại và phát triển, ông cha ta đã thường xuyên đúc rút các triết lý về các lĩnh vực hoạt động của bản thân mình. Những triết lý đó thường xoay quanh mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, cũng như mối quan hệ giữa con người với con người. Trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, ông cha ta đã khái quát những chủ trương chiến lược thành những tư tưởng mang tính triết lý sâu sắc, như triết lý *toàn dân toàn diện, đánh nhanh thắng nhanh, đánh chắc thắng chắc*, v.v.. Ngày nay, trong công cuộc kiến thiết đất nước, ngay trong một doanh nghiệp làm ăn lớn, người ta cũng muốn tìm

kiếm hoặc áp dụng một triết lý kinh doanh nhất định. Bất cứ một doanh nghiệp làm ăn thành đạt nào cũng đều có triết lý kinh doanh riêng của mình. Tương tự như vậy, mỗi ngành, trong mỗi giai đoạn phát triển, đều phải xây dựng một triết lý riêng nhằm phát triển ngành mình.

Nhưng, như mọi người đều biết, triết học thuộc trình độ cao hơn triết lý. Đó là một hệ thống những quan điểm lý luận về sự phát triển xã hội nói chung hoặc về một lĩnh vực hoạt động nào đó của con người. Việc xây dựng một hệ thống quan điểm như vậy là nhiệm vụ của những người làm công tác nghiên cứu lý luận, trước hết là của những người làm cộng tác nghiên cứu và giảng dạy triết học.

Thứ hai, ngoài nhiệm vụ phản tư và nghiên cứu những vấn đề do thực tiễn phát triển của thế giới và của Việt Nam đặt ra, triết học còn có lôgíc phát triển riêng. Bất cứ một hệ thống hay một quan điểm triết học nào cũng không bao giờ ra đời trên mảnh đất trống rỗng; mà trái lại, nó luôn có sự kế thừa từ những hệ thống, những quan điểm triết học đã ra đời hoặc xuất hiện trước đó, coi đó là tiền đề và vật liệu tư tưởng. Do đó, một trong những nhiệm vụ quan trọng của những người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học Việt Nam là nghiên cứu những tư tưởng triết học Việt Nam. Thực ra, vấn đề Việt Nam có triết học hay không vẫn chưa tìm được câu trả lời thoả đáng. Nếu xem triết học như một hệ thống quan điểm, phạm trù chặt chẽ như ở phương Tây thì Việt Nam chưa có triết học. Nhưng nếu coi triết học là sự thông thái hay yêu mến sự thông thái, là những tư tưởng mang tính triết lý sâu sắc chỉ đạo hoặc định hướng hoạt động của con người thì không có lý gì một dân tộc đã có hàng ngàn năm tồn tại và phát triển như Việt Nam lại không có triết học. Nhiệm vụ của những người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học là tìm ra và khảo sát những tư tưởng triết học đó. Nhưng, trong khi thực hiện nhiệm vụ đó, những người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học ở Việt Nam không chỉ khôi phục những tư tưởng triết học đó, giải thích cơ sở hình thành và phát triển của chúng mà quan trọng hơn, còn phải tìm ra ý nghĩa của những tư tưởng ấy đối với cuộc sống của chúng ta hôm nay, làm rõ những tư tưởng đó có ích gì đối với con người, đất nước Việt Nam hôm nay. Trên cơ sở đó, chúng ta mới thấy được những tư tưởng nào cần phải được kế thừa và phát triển.

Thêm vào đó, như trên đã trình bày, trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, nguy cơ và thách thức lớn nhất đối với các nước đang phát triển là sự lo ngại về việc đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc. Để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thì việc nghiên cứu các giá trị văn hóa dân tộc, trong đó có văn hóa triết học, là hết sức cần thiết.

Thứ ba, một trong những nhiệm vụ không kém phần quan trọng của những người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học ở Việt Nam là nghiên cứu những trào lưu và những tư tưởng, những quan điểm triết học của các nhà triết học tiêu biểu trên thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây.

Song, trong điều kiện khó khăn cả về phương tiện vật chất lẫn đội ngũ những người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học như hiện nay, vấn đề cần tập trung nghiên cứu trước hết là những trào lưu, những tư tưởng và quan điểm triết học có ảnh hưởng nhiều hơn đến Việt Nam, tập trung nghiên cứu những tư tưởng, những quan điểm triết học góp phần giải quyết trên bình diện lý luận và phương pháp

luận những vấn đề do sự phát triển của thực tiễn Việt Nam đặt ra.

Trước hết, cần tập trung nhận thức lại, nhận thức đúng và phát triển những nguyên lý cơ bản của triết học Mác – Lênin trong bối cảnh toàn cầu hiện nay.

Trong lịch sử cách mạng Việt Nam, triết học Mác – Lênin được coi là một trong những cơ sở lý luận, là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam. Hiện nay, số người nghiên cứu và giảng dạy triết học Mác – Lênin cũng chiếm một số lượng đông đảo nhất. Tuy nhiên, triết học Mác – Lênin được hình thành và là kết quả của sự khái quát thực tiễn lịch sử của những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Do vậy, trong học thuyết của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin, ngoài những luận điểm vẫn còn nguyên giá trị định hướng cho hoạt động thực tiễn của chúng ta hôm nay, không tránh khỏi có một số luận điểm không còn phù hợp với những điều kiện lịch sử mới.

Thực tiễn 20 năm đổi mới ở nước ta đã chỉ ra rằng, kiên trì chủ nghĩa Mác – Lênin không có nghĩa là áp dụng một cách nguyên xi, máy móc, mà là *vận dụng một cách khoa học và sáng tạo* những tư tưởng của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin trong điều kiện lịch sử mới. Chính những thành công của sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam đã chứng minh điều đó. Do vậy, việc nhận thức lại, nhận thức đúng và phát triển những nguyên lý cơ bản của triết học Mác – Lênin là hết sức cần thiết, vừa mang ý nghĩa lý luận, vừa mang ý nghĩa thực tiễn cấp bách.

Trong những năm tới, vấn đề đặt ra là cần phải nghiên cứu, làm sáng tỏ những luận điểm nào trong hệ thống quan điểm cơ bản của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin vẫn còn đúng và giữ nguyên giá trị cơ sở lý luận và kim chỉ nam cho hoạt động thực tiễn; những luận điểm nào cần bổ sung và phát triển thêm cho phù hợp với những điều kiện mới của thời đại; đồng thời, làm rõ những luận điểm nào trước đây là đúng, nhưng hiện nay đã bị thực tiễn vượt qua và không còn phù hợp với điều kiện mới.

Bên cạnh việc nghiên cứu để nhận thức lại, nhận thức đúng và phát triển những nguyên lý cơ bản của triết học Mác – Lênin, cần tiếp tục tập trung nghiên cứu những trào lưu triết học ngoài mácxít. Từ khi đổi mới đến nay, như đã trình bày ở trên, việc nghiên cứu các trào lưu triết học ngoài mácxít đã được chú ý và tiến hành với cách tiếp cận mới. Tuy nhiên, kết quả đạt được trong lĩnh vực này còn khá khiêm tốn.

Khó khăn lớn nhất đối với những người nghiên cứu và giảng dạy triết học ngoài mácxít là ở chỗ, số người được đào tạo về chuyên ngành này rất ít, các tài liệu tham khảo cho môn này chủ yếu bằng tiếng nước ngoài trong khi số người đọc được tiếng nước ngoài không nhiều. Trong những năm gần đây, một số tài liệu nghiên cứu về triết học ngoài mácxít đã bắt đầu được dịch ra tiếng Việt. Song, số lượng các tác phẩm của những nhà triết học nổi tiếng đã được dịch ra tiếng Việt chưa đáng kể.

Vấn đề đặt ra là, trong thời gian tới, cần tích cực đào tạo một đội ngũ chuyên sâu về triết học ngoài mácxít, nếu được thì chuyên sâu về từng tác giả. Trước mắt, trong điều kiện tài liệu tham khảo còn ít, trình độ ngoại ngữ của những người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy chưa tốt thì việc tiếp tục đầu tư dịch một số tác phẩm tiêu biểu của các tác giả nổi tiếng thuộc các trường phái triết học khác nhau là hết sức cần thiết.

Thực tế cho thấy, nhiều học thuyết khi được du nhập từ nước ngoài vào các nước bản địa bao giờ cũng có những biểu hiện, sự biến thái khác nhau. Chính sự thay đổi, những biểu hiện đặc thù đó là do điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội và văn hoá của từng nước quy định. Nhờ sự thay đổi đó mà các học thuyết triết học được du nhập từ bên ngoài mới tồn tại và sống được trong các nước bản địa. Mặc dù Nho giáo ra đời ở Trung Quốc, nhưng các nhà nghiên cứu Nho giáo hiện nay lại cố gắng tìm ra sự tương đồng và khác biệt giữa Nho giáo Trung Quốc, Nho giáo Nhật Bản, Nho giáo Hàn Quốc, Nho giáo Việt Nam. Bên cạnh đó, sự ảnh hưởng của Nho giáo đối với xã hội hiện đại cũng có nhiều ý kiến khác nhau. Trong khi nhiều học giả khẳng định vai trò to lớn của Nho giáo đối với sự cất cánh, hiện đại hoá của các con rồng châu Á thì không ít người lại cho rằng, nếu muốn hiện đại hoá phải bỏ ngay Nho giáo. Tình hình đó cho thấy việc làm rõ vai trò đích thực của học thuyết này vẫn là vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

Tương tự như vậy, Việt Nam là một quốc gia chịu ảnh hưởng của nhiều nền văn hoá khác nhau. Trong quá trình tiếp biến các nền văn hoá, trong đó có văn hoá triết học, bản thân các quan điểm triết học cũng có sự biến đổi nhất định cho phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Có thể nói, không chỉ các học thuyết có ảnh hưởng nhiều đến Việt Nam, như Nho, Phật, Lão, triết học hiện sinh, triết học thực dụng trước đây ở miền Nam, mà ngay cả triết học Mác - Lênin cũng có những biểu hiện khác và có ảnh hưởng khác nhau trong từng thời kỳ. Vấn đề chính là nghiên cứu và tìm ra giá trị của chúng.

Đối với những người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học ở Việt Nam thì một chân lý đã được nhận thức rất rõ rằng "...một dân tộc muốn đứng vững trên đỉnh cao của khoa học thì không thể không có tư duy lý luận". "Nhưng tư duy lý luận chỉ là một đặc tính bẩm sinh dưới dạng năng lực của người ta mà có thôi. Năng lực ấy cần được phát triển hoàn thiện, và muốn hoàn thiện nó thì cho tới nay, không có một cách nào khác hơn là nghiên cứu toàn bộ triết học thời trước"(8). Mặt khác, trong kỷ nguyên toàn cầu hoá hiện nay, việc tiếp thu các nền văn hoá khác nhau là hết sức cần thiết để làm phong phú thêm cho văn hoá của bản thân dân tộc mình. Đồng thời, để phát triển được, mỗi dân tộc đều phải giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá của dân tộc mình, trong đó có văn hoá triết học.

Nhưng, theo chúng tôi, mục đích tối hậu đối với các nghiên cứu triết học ở Việt Nam, dù là nghiên cứu các vấn đề thực tiễn hay vấn đề thế giới, nghiên cứu lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam hoặc nghiên cứu triết học phương Đông và phương Tây đều nhằm vào việc phát triển đất nước và con người Việt Nam hiện nay, nâng cao năng lực tư duy của con người Việt Nam. Bởi vì, xét đến cùng, mọi sự phát triển và tiến bộ cũng nhằm cái đích là vì sự phát triển, sự tiến bộ và hạnh phúc của con người, giúp con người đạt tới những giá trị chân, thiện, mỹ. Nghiên cứu và giảng dạy triết học ở Việt Nam cũng không nằm ngoài mục đích đó.❐

(8) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t. 20. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 489 và 487.